

Bản án số: **114/2018/HSPT**
Ngày: 11-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn.

Các thẩm phán:

Bà Lê Hồng Hương.

Ông Trần Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tổng Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 58/2018/TLPT-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Lê Thanh T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo Lê Thanh T, Ngô Hữu T2, Nguyễn Thị T4 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2018/HSST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thanh T, sinh năm 1991 tại Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp 5A, xã T, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Nguyễn Thị Trúc L (đã ly thân) và 01 con sinh 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/6/2017. Có mặt.

2. Ngô Hữu T2 (T2 Bé), sinh năm 1994 tại An Giang; nơi cư trú: Ấp P, xã P1, huyện P2, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T3 và bà Nguyễn Thị Bích C; chưa vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 09/6/2017. Có mặt.

3. Nguyễn Thị T4, sinh năm 1968 tại Hà Nội; nơi cư trú: Thôn X, xã Q, huyện U, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Đồng

Nai; nghề nghiệp: buôn bán ve chai; trình độ học vấn: 6/10; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A (chết) và bà Lý Thị P; có chồng là Lý Công T5 (không đăng ký kết hôn, đã ly thân) và 01 con sinh 1999; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03/4/2017 đến ngày 07/5/2017 được tại ngoại điều tra. Có mặt.

- Ngoài ra còn có các bị cáo khác, nguyên đơn dân sự không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn D là công nhân của Công ty C thuộc khu Công nghiệp 2, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do muốn kiếm tiền chia nhau tiêu xài nên D rủ Dương Công M (công nhân xây dựng trong Công ty C) thực hiện hành vi trộm cắp chì của Công ty đem bán. D và M bàn bạc thống nhất là D có nhiệm vụ trộm chì của công ty, còn M có nhiệm vụ chuẩn bị các dụng cụ đựng chì và đưa chì ra khỏi công ty đem đi tiêu thụ, D được hưởng 50% và M được hưởng 50% trên tổng số tiền bán chì. Sau đó, D gặp rủ Nguyễn Hồ Long H (lái xe nâng trong Công ty C) và Lê Thanh T (công nhân trong Công ty C) cùng tham gia. D phân công T có nhiệm vụ gom chì cất giấu vào các bao đựng đồ vật liệu xây dựng hoặc trong thùng tôn màu trắng, kích thước: dài 1,2m, rộng 80cm, cao 80cm do M chuẩn bị trước, còn H có nhiệm vụ điều khiển xe nâng đưa chì cất giấu vào phòng làm việc của D. Khi M điều xe đến H sẽ dùng xe nâng đưa chì lên xe mà M đã thuê. D gặp rủ Nguyễn Đình S (là chuyển trưởng - được giao nhiệm vụ nhận chì từ kho chì về cho bộ phận sản xuất) cùng tham gia. Để lấy được chì đưa ra ngoài tiêu thụ, S lập 02 Phiếu lãnh vật liệu giống nhau về số lượng trong cùng một ngày, 01 phiếu nhận chì để đưa vào xưởng sản xuất, còn 01 phiếu nhận chì để đem cất giấu vào phòng làm việc của D nhằm chiếm đoạt. S rủ thêm Nguyễn Thành P1 (công nhân trong Công ty C) và Ngô Hữu T2 (công nhân trong Công ty C) tham gia. P1 và T2 có nhiệm vụ dùng xe ba lết (loại tay cầm) để đưa số chì trộm cắp được vào phòng lạnh (nơi không có camera quan sát) bỏ vào thùng tôn cho D và đồng phạm lấy chì đi bán. Nhằm tránh bị phát hiện, D rủ Phùng Sín D1 (công nhân trong Công ty C) có nhiệm vụ cảnh giới cho đồng phạm thực hiện việc trộm cắp chì được thuận lợi. Để đưa chì trộm cắp ra khỏi cổng công ty được thuận lợi, M rủ Nguyễn Văn Đ (là nhân viên bảo vệ của Công ty T có nhiệm vụ bảo vệ tại

cổng số 2 của Công ty C), khi xe chở đồ chì trộm cắp đi cổng thì Đ có nhiệm vụ để xe qua mà không kiểm tra để được M cho tiền tiêu xài. Sau mỗi lần trộm cắp chì, M đưa số chì trộm cắp được đến điểm thu mua phế liệu tại ấp 3, xã H, huyện N bán cho Nguyễn Thị T4; T4 biết rõ số chì trên do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua. Với phương thức, thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2016 đến ngày 02 tháng 4 năm 2017, D và đồng phạm đã thực hiện 05 lần trộm cắp chì của Công ty C cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Khoảng tháng 10 năm 2016, Vũ Văn D, Dương Công M, Nguyễn Hồ Long H, Lê Thanh T đã thực hiện hành vi trộm cắp 18 thanh chì (mỗi thanh nặng 25kg) của Công ty C đem bán cho Nguyễn Thị T4 với giá 28.000 đồng/kg chì. Số tiền bán chì được 12.600.000 đồng, M lấy 5.600.000 đồng, chia cho D 7.000.000 đồng; D chia cho H 500.000 đồng, chia cho T 2.500.000 đồng, còn lại 4.000.000 đồng D được hưởng.

Sau khi mua chì của M, T4 bán lại cho 01 người đàn ông tên T6 (không rõ nhân thân) với giá 30.000 đồng/kg chì, thu lợi được 900.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 128/KLGD-HĐĐG ngày 28/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận: 18 thanh chì nguyên liệu, tổng trọng lượng 450kg có giá trị 21.312.720 đồng.

- Lần thứ hai: Khoảng tháng 11 năm 2016, D, M, H và T đã thực hiện hành vi trộm cắp 28 thanh chì (mỗi thanh nặng 25kg) của Công ty C đem bán cho T4 với giá 28.000 đồng/kg chì. Số tiền bán chì được 19.600.000 đồng, M lấy 7.600.000 đồng, chia cho D 12.000.000 đồng. D chia cho H 500.000 đồng, chia cho T 3.700.000 đồng, còn lại 7.800.000 đồng D được hưởng. Sau khi mua chì của M, T4 bán cho người đàn ông tên T6 (không rõ nhân thân) với giá 30.000 đồng/kg chì, thu lợi 1.400.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 129/KLGD-HĐĐG ngày 28/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận: 28 thanh chì nguyên liệu, tổng trọng lượng 700kg có giá trị 33.153.120 đồng.

- Lần thứ ba: Do muốn trộm cắp với số chì lớn của Công ty nên vào ngày 10/12/2016 ngoài M, T, H thì D rủ Nguyễn Đình S cùng tham gia. S đồng ý và rủ thêm Ngô Hữu T2 và Võ Thành P1 tham gia. Lần này, D và đồng phạm đã thực hiện hành vi trộm cắp 74 thanh chì (mỗi thanh 25kg) của Công ty C đem bán cho T4 với giá 28.000 đồng/kg chì. Số tiền bán chì được 51.800.000 đồng, M lấy 23.800.000 đồng, chia cho D 28.000.00 đồng. D chia cho H 3.000.000 đồng, chia cho T 4.500.000 đồng, chia cho S 12.000.000 đồng, còn lại 8.500.000

đồng D được hưởng. S chia cho T2 2.000.000 đồng, chia cho P1 2.000.000 đồng, còn lại 8.000.000 đồng S được hưởng.

Sau khi mua chì của M, T4 tiếp tục bán cho người đàn ông tên T6 (không rõ nhân thân) với giá 30.000 đồng/1kg chì, thu lợi 3.700.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 130/KLGD-HĐĐG ngày 28-06-2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận: 74 thanh chì nguyên liệu, tổng trọng lượng 1.850kg có giá trị 87.618.960 đồng.

- Lần thứ tư: Vào ngày 26/3/2017, D, M, T, H, S, T2 cùng tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty C. D rủ thêm Phùng Sín D1 tham gia làm nhiệm vụ canh giới. M rủ Nguyễn Văn Đ là bảo vệ của công ty tham gia với nhiệm vụ khi xe của M chở chì trộm cắp cổng công ty thì Đ mở cổng cho xe qua. D, M, T, H, S, T2, D1 và Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp được 84 thanh chì (mỗi thanh nặng 25kg) của Công ty C đem bán cho T4 với giá 33.000 đồng/1kg chì. Số tiền bán chì được 69.300.000 đồng, M lấy 35.800.000 đồng, chia cho Đ 1.000.000 đồng, chia cho D 32.500.000 đồng. D chia cho H 3.000.000 đồng, chia cho T 5.000.000 đồng, chia cho D1 2.000.000 đồng, chia cho S 8.000.000 đồng, còn lại 14.500.000 đồng D được hưởng. S chia cho T2 2.000.000 đồng, còn lại 6.000.000 đồng S được hưởng.

Sau khi mua chì của M, T4 khai bán 84 thanh chì trên cho Lê Thị H1, sinh năm 1973, ngụ tại tổ 4, ấp 8, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai với giá 36.000 đồng/1kg chì, thu lợi được 7.560.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số: 63/KLGD-HĐĐG ngày 05/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 84 thanh chì nguyên liệu, tổng trọng lượng 2.100kg có giá trị 99.457.360 đồng.

- Lần thứ năm: Vào lúc 12 giờ 45 phút ngày 02/4/2017, D, M, T, H và S tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 59 thanh chì (mỗi thanh nặng 25kg) của Công ty C. Sau đó, M thuê xe ô tô biển số 60C-043.20 do anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1994, ngụ tại ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai điều khiển chở đem bán cho Nguyễn Thị T4. Khi xe ô tô biển số 60C-043.20 chạy đến cổng số 2 của Công ty C thì bị bảo vệ khu công nghiệp N phát hiện bắt giữ cùng tang vật, chuyển Cơ quan CSĐT Công an huyện Nhơn Trạch điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số: 64/KLGD-HĐĐG ngày 05/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận: 59 thanh chì nguyên liệu, tổng trọng lượng 1.475kg có giá trị 69.858.360 đồng.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 xe ô tô biển số 60C-043.20 của Công ty vật liệu xây dựng S.

- 59 thanh chì là tài sản của Công ty C.

- 01 thùng tôn màu trắng, kích thước: dài 1,2m, rộng 80cm, cao 80cm của Công ty C.

- Số tiền 77.560.000 đồng (trong đó Vũ Văn D nộp 35.000.000 đồng, Nguyễn Đình S nộp 14.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đ nộp 1.000.000 đồng, Phùng Sín D1 nộp 2.000.000 đồng, Nguyễn Thị T4 nộp 13.560.000 đồng, Ngô Hữu T2 nộp 2.000.000 đồng và Lê Thanh T nộp 10.000.000 đồng) để khắc phục hậu quả.

Tại bản cáo trạng số: 127/CT.VKS ngày 13/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch truy tố bị cáo Vũ Văn D, Dương Công M, Lê Thanh T, Nguyễn Hồ Long H, Nguyễn Đình S về tội “trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự; truy tố Ngô Hữu T2, Phùng Sín D1 và Nguyễn Văn Đ về tội “trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Thị T4 về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm a khoản 3 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Tại bản án sơ thẩm số 07/2018/HSST ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, 53 Bộ luật hình sự; xử phạt Lê Thanh T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2017. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt Ngô Hữu T2 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2017. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 54; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 144 của Quốc hội; xử phạt Nguyễn Thị T4 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt vào trại giam thi hành án phạt tù, nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 07/5/2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, biện pháp tư pháp và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31/01/2018, bị cáo Nguyễn Thị T4 kháng cáo xin hưởng án treo. Ngày 01/02/2018, bị cáo Lê Thanh T, Ngô Hữu T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Hành vi của bị cáo Lê Thanh T và Ngô Hữu T2 đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản

2, 3 Điều 138 Bộ luật hình sự, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T4 đã cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 3 Điều 250 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xét xử bị cáo Lê Thanh T với mức án 04 năm 06 tháng tù, Ngô Hữu T2 03 năm 06 tháng tù, Nguyễn Thị T4 02 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T, bị cáo T2 cung cấp thêm được các tình tiết mới như: gia đình bị cáo T có công với cách mạng, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 3 tuổi, bị cáo đã khắc phục xong hậu quả. Bị cáo T2 gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo cũng đã nộp đủ số tiền để khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết mới đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Đối với bị cáo T4 kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào khác. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo, y án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về áp dụng pháp luật:

Cấp sơ thẩm nhận định bị cáo T4 tự nguyện nộp lại một phần tiền chiếm đoạt và thu lợi để khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T4 tự thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015 là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thanh T, Ngô Hữu T2, Nguyễn Thị T4 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Hồ sơ thể hiện: Bị cáo Lê Thanh T đã tham gia 05 vụ trộm cắp chì từ tháng 10 năm 2016 đến ngày 02/04/2017, tổng tài sản bị chiếm đoạt trị giá là 311.402.520 đồng và được chia số tiền 15.700.000đồng. Bị cáo Ngô Hữu T2 đã tham gia 02

vụ trộm cắp chỉ vào các ngày 10/12/2016 và ngày 26/03/2017, tổng tài sản bị chiếm đoạt trị giá là 187.078.320 đồng và được chia số tiền 4.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị T4 biết rõ tài sản do các bị cáo khác thực hiện hành vi trộm cắp mà có nhưng vẫn mua để bán lại nhằm kiếm lợi bất chính, tổng giá trị tài sản tiêu thụ là 241.542.160 đồng, được hưởng lợi 13.560.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo T phạm tội trong trường hợp đồng phạm và xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xét xử bị cáo T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xét xử bị cáo T4 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm về quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ: tự nguyện nộp lại một phần tiền chiếm đoạt và thu lợi để khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo T2, T4 tự thú, gia đình bị cáo T có công với cách mạng, bị cáo T đang nuôi con nhỏ dưới 3 tuổi, do đó xử phạt bị cáo T mức án 04 năm 06 tháng tù, bị cáo T2 mức án 03 năm 06 tháng tù, bị cáo T4 02 năm 06 tháng tù là phù hợp và thỏa đáng.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt và gia đình bị cáo cung cấp thêm biên lai đóng tiền khắc phục hậu quả, xác nhận gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cả cha mẹ bị cáo đều là người có công với cách mạng; bị cáo T2 xin giảm nhẹ hình phạt và gia đình bị cáo cung cấp xác nhận gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đây là các tình tiết mới được quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự. Do đó, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thanh T, Ngô Hữu T2 để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T4, mức án cấp sơ thẩm quyết định với bị cáo đã xem xét và giảm nhẹ hình phạt so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác chưa được xem xét. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới do đó kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí:

Kháng cáo của bị cáo Lê Thanh T, bị cáo Ngô Hữu T2 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T4 không được chấp nhận nên bị cáo T4 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;
Sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và hình phạt.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thanh T, Ngô Hữu T2, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T4, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2017.

2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Ngô Hữu T2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2017.

3. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; Điều 54; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T4 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào trại giam thi hành án phạt tù, nhưng được trừ đi thời gian tạm giam trước từ ngày 03/4/2017 đến ngày 07/5/2017.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Bị cáo Lê Thanh T, Ngô Hữu T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị T4 phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch(2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Sơn